

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Dược học**; Chuyên ngành: **Tổ chức Quản lý Dược.**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. **Họ và tên người đăng ký: Đỗ Xuân Thắng.**

2. **Ngày tháng năm sinh:** 08-04-1975; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không.

3. **Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:**

4. **Quê quán** (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Xuân Đình, Huyện Từ Liêm, Thành Phố Hà nội

5. **Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú** (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 318 đường Xuân Đình, TDP Trung 5, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà nội.

6. **Địa chỉ liên hệ** (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số 318 đường Xuân Đình, TDP Trung 5, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà nội.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0913229565; E-mail:

thangdx@hup.edu.vn; dxthangss@gmail.com

7. **Quá trình công tác** (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội), kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ,
Tháng 1/2003- đến 12/2003	Giảng viên tập sự – Bộ môn Quản lý Kinh tế Dược, Trường ĐH Dược Hà Nội.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

01/2004 đến 12/2014	Giảng viên - Bộ môn Quản lý Kinh tế Dược, Trường Đại học Dược Hà Nội (Nghiên cứu sinh tiến sĩ tại Trường Đại học Nottingham, Vương Quốc Anh từ 10/2009 đến 12/2013)
01/2015- 8/2017	Giảng viên, Phó trưởng Bộ môn Quản lý & Kinh tế Dược, ĐH Dược Hà Nội
9/2017 – 6/2018	Giảng viên, Phó trưởng, Phụ trách phòng vật tư trang thiết bị, kiêm giảng tại BM Quản lý & Kinh tế Dược – Trường Đại học Dược Hà Nội Giảng viên chính (từ 4/2018) Ủy viên BCH Đảng Bộ trường (4-2018);
7/2018 – 06/2022	Giảng viên chính, Ủy viên BCH Đảng Bộ trường, Trưởng phòng Vật tư và trang thiết bị, kiêm giảng tại BM Quản lý & Kinh tế Dược – Trường Đại học Dược Hà Nội. Thành viên hội đồng trường (6-2019);
07/2022- Nay	Giảng viên chính, Ủy viên BCH Đảng Bộ trường, Thành viên hội đồng trường, Trưởng phòng Cơ sở vật chất - Vật tư trang thiết bị, kiêm giảng tại BM Quản lý & Kinh tế Dược, Trường Đại học Dược Hà Nội.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng phòng Cơ sở vật chất - Vật tư trang thiết bị;

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng Cơ sở vật chất - Vật tư trang thiết bị

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Dược Hà Nội (Phòng Cơ sở vật chất - Vật tư trang thiết bị; Khoa Quản lý và Kinh tế Dược).

Địa chỉ cơ quan: 13-15 Lê Thánh Tông, Hoàn Kiếm, Hà nội.

Điện thoại cơ quan: 024 38259670

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm : chưa nghỉ hưu

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 14 tháng 8 năm 1998; số văn bằng: B 56122.; ngành: Dược, chuyên ngành: Dược học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Dược Hà Nội, Việt nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 08 tháng 02 năm 2002; số văn bằng: 00129; ngành: Dược học.; chuyên ngành: Tổ chức Quản lý Dược.; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Dược Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 10 tháng 12 năm 2013; số văn bằng: 095432.; ngành: Dược; chuyên ngành: Dược học; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Nottingham, Vương Quốc Anh.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

10. **Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS:** Chưa

11. **Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS cơ sở:** Trường Đại học Dược Hà Nội, Việt Nam

12. **Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư. tại HĐGS ngành, liên ngành:** Dược học

13. **Các hướng nghiên cứu chủ yếu:**

+ Tổ chức Quản lý Dược .

+ Kinh tế Dược, Kinh tế y tế.

+ Dược Cộng Đồng.

14. **Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:**

- Đã hướng dẫn (số lượng) 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 92 HVCH/CK2/CK 1 bảo vệ thành công luận văn; Trong đó có 27 HVCH; 24 học viên CK2; 41 học viên CK1;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 08. Trong đó có 04 đề tài cấp Bộ Y tế; 03 đề tài cấp cơ sở và 01 đề tài WHO ;

- Đã công bố (số lượng) 62 bài báo khoa học, trong đó 04 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 00 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 05, trong đó 04 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 00

15. **Khen thưởng** (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Danh hiệu “**Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở**” :

Bằng khen các năm học 2015-2016; 2016-2017; 2018-2019; 2020-2021; 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 .

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế năm 2016-2017

Bằng khen của Công đoàn Y tế Việt nam năm 2015; 2016; 2020; 2021;

Giấy khen của Đảng Bộ khôi các trường Đại học năm 2020 về “ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 5 năm liền 2015-2019”

16. **Kỷ luật** (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi nhận thấy bản thân đạt được các các tiêu chuẩn và hoàn thành các nhiệm vụ của nhà giáo. Cụ thể gồm có:

- Không vi phạm đạo đức nhà giáo, không trong thời gian bị kỉ luật dưới bất kì hình thức nào; trung thực khách quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác.

- Thời gian giảng dạy vào đào tạo từ trình độ đại học trở lên: Hoàn thành đủ thời gian làm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên đạt yêu cầu của khoản 2, khoản 3 điều 6 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg:

+ Đã có bằng Tiến sĩ từ năm 2013 (đủ 6 năm trở lên theo quy định)

+ Đã tham gia đào tạo trình độ đại học từ năm 2003-2004 đến năm 2024-2025 tại Trường đại học Dược Hà Nội (trừ 4 năm từ 9/2009-12/2013 là thời gian nghiên cứu sinh Tiến sĩ tại Đại học Nottingham Vương Quốc Anh) tính đến hạn nộp hồ sơ, đạt yêu cầu ít nhất 06 năm trong đó có 03 năm liên tục (minh chứng kèm theo hồ sơ này và được Trường Đại học Dược Hà Nội xác nhận trong mẫu số 02).

- Hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy được giao với số giờ giảng vượt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo trong 6 năm gần nhất (thông tin cụ thể trình bày ở mục 2 phần B bản đăng kí này và trong mẫu số 02 của hồ sơ đăng kí).

- Có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh phục vụ công tác chuyên môn và giao tiếp (Viết và báo cáo luận án Tiến sĩ bằng Tiếng Anh; sử dụng tiếng Anh thành thạo trong quá trình công tác; trình bày nhiều báo cáo khoa học tại các hội nghị quốc tế), đạt yêu cầu khoản 4 điều 4 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg.

- Công bố kết quả nghiên cứu khoa học: Đã đăng 08 bài báo khoa học có phản biện quốc tế. Là tác giả chính (tác giả đầu hoặc tác giả liên hệ) của 04 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế uy tín (thông tin chi tiết ở mục 7.1) sau khi được cấp bằng Tiến sĩ, đạt yêu cầu khoản 4 điều 6 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg;

- Thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ: Đã chủ trì 01 đề tài khoa học cấp Bộ nghiệm thu xuất sắc; tham gia 03 đề tài cấp bộ; Đã chủ trì 02 đề tài khoa học cấp cơ sở; tham gia 01 đề tài khoa học cấp cơ sở. Đạt yêu cầu của khoản 5 điều 6 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg (danh sách chi tiết trình bày ở mục 6 của bản đăng kí này cùng các minh chứng).

- Hướng dẫn học viên cao học và nghiên cứu sinh: Đã hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh tiến sĩ bảo vệ thành công. Đã hướng dẫn 27 thạc sĩ trong đó là hướng dẫn chính của 26 thạc sĩ; 41 học viên CK 1 và 24 học viên CK 2 (danh sách chi tiết được trình bày trong mục 4 của bản đăng kí này cùng các minh chứng kèm theo hồ sơ).

- Các công trình khoa học được tính điểm quy đổi theo quy định tại điều 7 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg được trình bày tại mục số 7 của bản đăng kí này và được minh chứng kèm hồ sơ

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 22 năm 06 tháng (trừ 4 năm từ 2009-2013 là thời gian nghiên cứu sinh Tiến sỹ tại Đại học Nottingham Vương Quốc Anh)
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/CK1 đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016-2017	0		3/2/3	1	365	180	545/984/180
2	2017-2018	0		3/0/4	1	103	280	383/645/99
3	2018-2019	0		3/2/3	1	35,2	210	245,2/621,7/51
4	2019-2020	0		2/5/4	2	38,4	210	248,4/614,9/60
5	2020-2021	1		3/2/5	1	0	244	244/676,8/68
<i>3 năm cuối</i>								
6	2021-2022	0		3/1/5	0	26,2	234	260,2/555,6/68
7	2022-2023	0		2/3/5	1	12	200	212/532/67,4
8	2023-2024	0		2/4/5	4	33	136	169/529/67,5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận án TS tại nước: Vương Quốc Anh năm 2013

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 - Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học ngoại ngữ-Đại học Quốc gia Hà
 nội; số bằng: C07996.; năm cấp:1999.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại

ngữ:.....cv.....

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/CK 1 đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS, HVCH/ CKI/ CK2	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/ có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH / CKI/ CK2	Chính	Phụ			
Hướng dẫn NCS								
1	Nguyễn Thị Phương Thúy	NCS		x		2018- 2021	Trường ĐH Đuọc Hà Nội	01/09/2021
Hướng dẫn Cao học								
2	Nguyễn Thị Tú Anh		HVCH	x		2014- 2015	Trường ĐH Đuọc Hà Nội	30/11/2015
3	Lê Thị Tiến		HVCH	x		2014- 2015	Trường ĐH Đuọc Hà Nội	30/11/2015
4	Trần Quang Tuấn		HVCH	x		2014- 2015	Trường ĐH Đuọc Hà Nội	30/11/2015
5	Ngô Hoàng Điệp		HVCH	x		2015- 2016	Trường ĐH Đuọc Hà Nội	17/5/2016
6	Nguyễn Thị Xuân Thủy		HVCH	x		2015- 2016	Trường ĐH Đuọc Hà Nội	17/5/2016
7	Nguyễn Đắc Tuấn		HVCH	x		2015- 2016	Trường ĐH Đuọc Hà Nội	17/5/2016
8	Đỗ Đình Hải		HVCH	x		2016- 2017	Trường ĐH Đuọc Hà Nội	25/05/2017
9	Trần Thị Thúy		HVCH	x		2016- 2017	Trường ĐH Đuọc Hà Nội	25/05/2017

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

10	Ngô Thị Thanh Tịnh		HVCH	x		2016- 2017	Trường ĐH Đuọc Hà Nội	25/05/2017
11	Điều Huy Quân Anh		HVCH	x		2017- 2018	Trường ĐH Đuọc Hà Nội	13/06/2018
12	Lê Thị Tuyết Mai		HVCH		x	2017- 2018	Trường ĐH Đuọc Hà Nội	13/06/2018
13	Nguyễn Duy Thực		HVCH	x		2017- 2018	Trường ĐH Đuọc Hà Nội	13/06/2018
14	Hoàng Huyền Hương		HVCH	x		2018- 2019	Trường ĐH Đuọc Hà Nội	30/05/2019
15	Nguyễn Thị Tuyết Nhưng		HVCH	x		2018- 2019	Trường ĐH Đuọc Hà Nội	30/05/2019
16	Lê Thị Bích Thủy		HVCH	x		2018- 2019	Trường ĐH Đuọc Hà Nội	30/05/2019
17	Bùi Việt Dũng		HVCH	x		2019- 2020	Trường ĐH Đuọc Hà Nội	10/12/2020
18	Nguyễn Thị Thủy Dương		HVCH	x		2019- 2020	Trường ĐH Đuọc Hà Nội	11/06/2021
19	Nguyễn Thị Hằng		HVCH	x		2020- 2021	Trường ĐH Đuọc Hà Nội	11/06/2021
20	Trần Thị Lan Hương		HVCH	x		2020- 2021	Trường ĐH Đuọc Hà Nội	11/06/2021
21	Nguyễn Anh Tú		HVCH	x		2020- 2021	Trường ĐH Đuọc Hà Nội	11/06/2021
22	Lê Hoàng Đức		HVCH	x		2021- 2022	Trường ĐH Đuọc Hà Nội	22/07/2022
23	Đặng Vũ Hà		HVCH	x		2021- 2022	Trường ĐH Đuọc Hà Nội	22/07/2022
24	Trịnh Thị Như Ngọc		HVCH	x		2021- 2022	Trường ĐH Đuọc Hà Nội	22/07/2022
25	Hồ Hồng Hạnh		HVCH	x		2022- 2023	Trường ĐH Đuọc Hà Nội	14/6/2023
26	Trần Huyền Trang		HVCH	x		2022- 2023	Trường ĐH Đuọc Hà Nội	14/6/2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

27	Nguyễn Việt Hùng		HVCH	x		2023-2024	Trường ĐH Dược Hà Nội	25/6/2024
28	Nguyễn Thị Ngọc		HVCH	x		2023-2024	Trường ĐH Dược Hà Nội	25/6/2024
Chuyên khoa I								
29	Nguyễn Quang Dương		HVCKI	x		2016-2017	Trường ĐH Dược Hà Nội	05/05/2017
30	Nguyễn Hữu Hoàng		HVCKI	x		2016-2017	Trường ĐH Dược Hà Nội	05/05/2017
31	Lê Tuấn Tiên		HVCKI	x		2016-2017	Trường ĐH Dược Hà Nội	05/05/2017
32	Hà Ngọc Sơn		HVCKI	x		2017-2018	Trường ĐH Dược Hà Nội	22/05/2018
33	Nguyễn Xuân Sơn		HVCKI	x		2017-2018	Trường ĐH Dược Hà Nội	22/05/2018
34	Nguyễn Đức Tùng		HVCKI	x		2017-2018	Trường ĐH Dược Hà Nội	22/05/2018
35	Lê Hồng Thủy		HVCKI	x		2017-2018	Trường ĐH Dược Hà Nội	22/05/2018
36	Đỗ Đức Huy		HVCKI	x		2018-2019	Trường ĐH Dược Hà Nội	31/05/2019
37	Vũ Hồng Lụa		HVCKI	x		2018-2019	Trường ĐH Dược Hà Nội	04/07/2020
38	La Thế Thành		HVCKI	x		2018-2019	Trường ĐH Dược Hà Nội	31/05/2019
39	Lê Thị Kim Anh		HVCKI	x		2019-2020	Trường ĐH Dược Hà Nội	04/07/2020
40	Hoàng Thị Thu Hường		HVCKI	x		2019-2020	Trường ĐH Dược Hà Nội	04/07/2020
41	Hoàng Thị Mai		HVCKI	x		2019-2020	Trường ĐH Dược Hà Nội	04/07/2020
42	Hà Thị Thanh Thương		HVCKI	x		2019-2020	Trường ĐH Dược Hà Nội	04/07/2020
43	Phan Anh Đức		HVCKI	x		2020-2021	Trường ĐH Dược Hà Nội	11/06/2021

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

44	Lưu Thị Dung		HVCKI	x		2020-2021	Trường ĐH Dược Hà Nội	11/06/2021
45	Lê Thị Quỳnh Mai		HVCKI	x		2020-2021	Trường ĐH Dược Hà Nội	11/06/2021
46	Nguyễn Thị Mỹ Nương		HVCKI	x		2020-2021	Trường ĐH Dược Hà Nội	11/06/2021
47	Vương Thị Tâm		HVCKI	x		2020-2021	Trường ĐH Dược Hà Nội	11/06/2021
48	Trần Thị Hồng Thắm		HVCKI	x		2020-2021	Trường ĐH Dược Hà Nội	11/06/2021
49	Bùi Thị Hồng Chuyên		HVCKI	x		2021-2022	Trường ĐH Dược Hà Nội	22/07/2022
50	Đặng Thị Đợi		HVCKI	x		2021-2022	Trường ĐH Dược Hà Nội	22/07/2022
51	Trần Thị Tú Hoài		HVCKI	x		2021-2022	Trường ĐH Dược Hà Nội	22/07/2022
52	Đỗ Thị Hồng Phú		HVCKI	x		2021-2022	Trường ĐH Dược Hà Nội	22/07/2022
53	Nguyễn Thu Phương		HVCKI	x		2021-2022	Trường ĐH Dược Hà Nội	22/07/2022
54	Nguyễn Công Dương		HVCKI	x		2022-2023	Trường ĐH Dược Hà Nội	14/6/2023
55	Nguyễn Thanh Huyền		HVCKI	x		2022-2023	Trường ĐH Dược Hà Nội	14/6/2023
56	Nguyễn Thị Thanh Huyền		HVCKI	x		2022-2023	Trường ĐH Dược Hà Nội	14/6/2023
57	Nguyễn Văn Tuấn		HVCKI	x		2022-2023	Trường ĐH Dược Hà Nội	14/6/2023
58	Nguyễn Thị Ngọc Nga		HVCKI	x		2022-2023	Trường ĐH Dược Hà Nội	14/6/2023
59	Lê Công Nguyên		HVCKI	x		2022-2023	Trường ĐH Dược Hà Nội	14/6/2023
60	Lê Vĩnh Phúc		HVCKI	x		2022-2023	Trường ĐH Dược Hà Nội	14/6/2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

61	Nguyễn Thị Bích Thủy		HVCKI	x		2022-2023	Trường ĐH Dược Hà Nội	14/6/2023
62	Lê Nguyên Vũ		HVCKI	x		2022-2023	Trường ĐH Dược Hà Nội	14/6/2023
63	Nguyễn Cao Cường		HVCKI	x		2022-2023	Trường ĐH Dược Hà Nội	14/6/2023
64	Nguyễn Thị Hồng		HVCKI	x		2022-2023	Trường ĐH Dược Hà Nội	14/6/2023
65	Hà Huy Thành		HVCKI	x		2022-2023	Trường ĐH Dược Hà Nội	14/6/2023
66	Nguyễn Thị Thao		HVCKI	x		2022-2023	Trường ĐH Dược Hà Nội	14/6/2023
67	Nguyễn Thị Lệ		HVCKI	x		2023-2024	Trường ĐH Dược Hà Nội	25/6/2024
68	Đào Thị Mai Thảo		HVCKI	x		2023-2024	Trường ĐH Dược Hà Nội	25/6/2024
69	Võ Thị Bạch Yến		HVCKI	x		2023-2024	Trường ĐH Dược Hà Nội	25/6/2024
Chuyên khoa II								
70	Nguyễn Thị Xuân Phước		CK2	x		2016-2017	Trường ĐH Dược Hà Nội	22/05/2018
71	Lương Quốc Tuấn		CK2	x		2016-2017	Trường ĐH Dược Hà Nội	22/05/2018
72	Nguyễn Thị Thanh Thủy		CK2	x		2018-2019	Trường ĐH Dược Hà Nội	30/05/2019
73	Lê Ngọc Hiếu		CK2	x		2018-2019	Trường ĐH Dược Hà Nội	14/07/2020
74	Võ Sương		CK2	x		2019-2020	Trường ĐH Dược Hà Nội	14/07/2020
75	Lê Chí Hiếu		CK2	x		2019-2020	Trường ĐH Dược Hà Nội	14/07/2020
76	Nguyễn Hải Đường		CK2	x		2020-2021	Trường ĐH Dược Hà Nội	11/06/2021
77	Ngô Thuỳ Linh		CK2	x		2020-2021	Trường ĐH Dược Hà Nội	11/06/2021

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

78	Trịnh Lê Anh		CK2	x		2019-2020	Trường ĐH Dược Hà Nội	11/06/2021
79	Lê Văn Thơm		CK2	x		2019-2020	Trường ĐH Dược Hà Nội	11/06/2021
80	Đậu Thị Thảo		CK2	x		2019-2020	Trường ĐH Dược Hà Nội	11/06/2021
81	Thạch Ngọc Trinh		CK2	x		2019-2020	Trường ĐH Dược Hà Nội	11/06/2021
82	Mai Xuân Toàn		CK2	x		2019-2020	Trường ĐH Dược Hà Nội	11/06/2021
83	Vũ Thị Diệu		CK2	x		2021-2022	Trường ĐH Dược Hà Nội	22/07/2022
84	Nguyễn Thị Kim Anh		CK2	x		2019-2020	Trường ĐH Dược Hà Nội	22/07/2022
85	Nguyễn Thị Nhâm		CK2	x		2019-2020	Trường ĐH Dược Hà Nội	22/07/2022
86	Bùi Thị Kim Dung		CK2	x		2022-2023	Trường ĐH Dược Hà Nội	14/6/2023
87	Hà Thanh Tùng		CK2	x		2023-2024	Trường ĐH Dược Hà Nội	25/6/2024
88	Bùi Huy Cường		CK2	x		2023-2023	Trường ĐH Dược Hà Nội	25/6/2024
89	Nguyễn Thị Thanh Thủy		CK2	x		2023-2024	Trường ĐH Dược Hà Nội	28/5/2025
90	Võ Thị Thảo		CK2	x		2022-2023	Trường ĐH Dược Hà Nội	28/5/2025
91	Đỗ Thị Thủy Linh		CK2	x		2023-2024	Trường ĐH Dược Hà Nội	28/5/2025
92	Đặng Thị Phượng		CK2	x		2023-2024	Trường ĐH Dược Hà Nội	25/6/2024
93	Nguyễn Quốc Hùng		CK2	x		2023-2024	Trường ĐH Dược Hà Nội	25/6/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I Trước khi được công nhận TS							
1	Quản lý và kinh tế Dược	Sách giáo trình	NXB Y học 2007 (mã số Đ.20.Z.06)	07		Tham gia viết Chương 8 Quản trị học trong lĩnh vực Dược (trang 202-285)	Sách đào tạo Dược sĩ đại học Giấy xác nhận sử dụng sách do Trường ĐH Dược Hà nội cấp
2	Pháp chế hành nghề dược	Sách giáo trình	Trường Đại học Dược Hà nội năm 2003	08		Tham gia viết Chương 10, 11 (trang 137-222), 13 (trang 241-256)	Sách đào tạo Dược sĩ đại học Giấy xác nhận sử dụng sách do Trường ĐH Dược Hà nội cấp
3	Pháp chế Dược và Dịch tễ Dược	Tài liệu thực tập	Trường Đại học Dược Hà nội năm 2012	10			Tài liệu thực tập Giấy xác nhận sử dụng sách do Trường ĐH Dược Hà nội cấp
II Sau khi được công nhận TS							
1	Dược cộng đồng	Sách giáo trình	NXB Y học 2020 (ISBN: 9786046641117)	06	x	Chủ biên Tham gia viết từ trang 01-199	Sách đào tạo Dược sĩ đại học Giấy xác nhận sử dụng sách do Trường ĐH Dược Hà nội cấp
2	Kinh tế Dược	Sách giáo trình	NXB Y học 2019 (ISBN: 9786046639558)	07		Tham gia viết Chương 4, 5, 6, 7, 8 (trang 80-151)	Sách đào tạo Dược sĩ đại học Giấy xác nhận sử dụng sách do Trường ĐH Dược Hà nội cấp
3	Marketing Dược phẩm	Sách chuyên khảo	NXB Giáo dục Việt nam 2018 (ISBN: 9786040148988)	08		Tham gia viết Chương 4 Khách hàng trong thị trường Dược phẩm (trang 127-202)	

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: []

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/T K	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu xây dựng mô hình cung ứng thuốc thiết yếu cho tuyến y tế cơ sở tại Việt nam	Thành viên	Cấp Bộ Y tế	8/2004 - 9/2006	01-9-2006 Khá
2	Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý và phân loại thuốc tại Việt nam	Thành viên	Cấp Bộ Y tế	8/2004 - 9/2006	6-12-2006 Loại B
3	Đánh giá chất lượng dịch vụ cung ứng thuốc của các nhà thuốc tư và hiệu thuốc trên địa bàn Hà Nội	Thành viên	Đề tài khoa học cấp trường	2005-2006	24-11-2006 Xuất sắc
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động báo cáo biến cố bất lợi trong thử nghiệm lâm sàng thuốc tại Việt Nam.	Chủ nhiệm	Cấp Bộ Y tế	2017-2019	5-3-2020 Xuất sắc
2	Nghiên cứu thực trạng chất lượng dịch vụ của các cơ sở bán lẻ thuốc tại Việt Nam và đề xuất giải pháp	Thành viên	Cấp Bộ Y tế	2017-2019	5-11-2019 Xuất sắc
3	Antibiotics: a cross-sectional survey assessing the perceptions and practices of community pharmacists	Thành viên	World Health Organization	2018	
4	Đánh giá sự hài lòng của học viên đối với chất lượng đào tạo thạc sỹ tại trường ĐH Dược Hà nội	Chủ nhiệm	Đề tài khoa học trọng điểm cấp trường	2015-2016	17-01-2017 Khá
5	Nghiên cứu một số quy định của EU đối với việc nhập khẩu dược liệu, thực phẩm chức năng, thuốc và nguyên liệu thuốc có nguồn gốc từ dược liệu	Chủ nhiệm	Đề tài cấp trường	9/2014 - 9/2015	31-12-2015 Trung bình
6	Training program on management of minor illnesses for community pharmacists in Vietnam	Thành viên	World Health Organization	2020-2021	

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận TS								
1	Overview on activities of Vietnam stated-owned pharmaceutical enterprises in the open-market economy	2	X	Proceeding Pharma Indochina II			124-128	2001
2	Đánh giá tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp dược nhà nước và bước đầu đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần Dược Traphaco qua một số chỉ tiêu kinh tế	1	X	Kỷ yếu khoa học Hội nghị khoa học công nghệ tuổi trẻ lần thứ XI			92-102	2001
3	Đánh giá tiến trình Cổ phần hóa các doanh nghiệp dược nhà nước giai đoạn 1999-2003	3		Dược học ISSN: 0866-7861			344-345	2004 2005
4	Một số tác động của hoạt động nhập khẩu đối với việc sản xuất dược phẩm tại Việt nam giai đoạn 2001-2005	2	X	Dược học ISSN: 0866-7861			371-9-13	2007
5	Assessment of quality service of public and private pharmacies in Hanoi	2		Proceeding Pharma Indochina IV			199-204	2005
II Sau khi được công nhận TS								
a Bài báo quốc tế								
6	Influential Factors on Postgraduates' Satisfaction with the Quality of Pharmacy Education: Evidence from a University in Vietnam	8	X	Journal of pharmacy Impact Factor: 2.0 (2024) ISSN: 2226-4787 https://doi.org/10.3390/pharmacy13030062	IF 2.0		13(3) 62	4/2025

7	A Cross-Sectional Study of Patients Satisfaction with the Pharmacy Services at the 108 Military Central Hospital: Determinants and Implications	6	X	Health Science Reports ISSN: 23988835 https://doi.org/10.1002/hsr2.70868	ISI (Q2 IF;2.1)			5/2025
8	Factors impacting on customer satisfaction with community pharmacies in Vietnam.	5	X	Journal of Pharmaceutical Sciences Asia, DOI: https://doi.org/10.29090/psa.2021.02.19.080	ISI (Q3 IF 0,14)		48 (2), 164-174	2021
9	Factors influencing the E-learning system usage during the COVID-19 pandemic in Vietnam	3	X	PLOS ONE ISSN 1932-6203 https://doi.org/10.1371/journal.pone.0278109	ISI (Q1 IF 3,752)		17(12) 1-11	12/2022
10	Exploring Entrepreneurial Intentions among Vietnamese Students in Hanoi University of Pharmacy: A Multifactorial Analysis	4	X	Journal of Young Pharmacists ISSN:0975-1483	ISI (IF 1,8)		Vol 14 Issue 4, 425-429	11/2022
11	A National Survey of Dispensing Practice and Customer Knowledge on Antibiotic Use in Vietnam and Implications	8		Antibiotics ISSN 2079-6382 https://doi.org/10.3390/antibiotics11081091	ISI (Q1. IF 5,222)		11, 1091	2022
12	Attitudes towards e-learning among community pharmacists in Hanoi, Vietnam: An exploratory study	4		Journal of Pharmaceutical Sciences Asia, DOI : 10.29090/psa.2018.03.131	ISI (Q3 IF 0,14)		45 (3), 131-139	2018
13	Healthcare costs Associated with Diabetic Mellitus among Vietnam Social insurance Enrollees in Thaibinh Province	4		Conference Proceeding The 2 nd international conference on pharmacy education and research network of Asean			390-397	2017
B	Bài báo trong nước							
14	Pharmacy customer opinions about the supply of non-prescription	2	X	Vietnam Journal of Medicine and Pharmacy (VJMP)			7 (1) 39-47	2015

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	medicines in community pharmacies in Hanoi, Vietnam			ISSN: 0866-7942				
15	Dược cộng đồng: Xu hướng hoạt động thực hành dược trên thế giới và tại Việt Nam	1	X	Nghiên cứu Dược và Thông tin thuốc ISSN: 1859-364X			6 (3), 30-33	2015
16	Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện quân y 17 năm 2013	4		Y học lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			10(6) 124-130	2015
17	Bước đầu khảo sát hoạt động báo cáo các biến cố bất lợi nghiêm trọng trong các thử nghiệm lâm sàng thuốc tại Việt nam năm 2014	7		Dược học ISSN: 0866-7861			56, 479 10-14	2016
18	Mức độ hài lòng của học viên cao học về công tác đào tạo tại Thạc sỹ tại trường Đại học Dược Hà nội	4	X	Nghiên cứu Dược và Thông tin thuốc ISSN: 1859-364X			7 (4+5) 189-195	2016
19	Đánh giá thực trạng hệ thống báo cáo biến cố bất lợi, biến cố bất lợi nghiêm trọng tại một số tổ chức nhận thử thuốc trên lâm sàng tại Việt nam	6		Nghiên cứu Dược và Thông tin thuốc ISSN: 1859-364X			7 (4+5) 177-183	2016
20	Phân tích danh mục thuốc được sử dụng tại Bệnh viện Vinmec Times City năm 2016	3		Y học thực hành ISSN: 1859-1663			1040 (7) 74-78	2017
21	Phân tích danh mục thuốc được sử dụng tại Bệnh viện Tai mũi họng trung ương năm 2015	3		Y học thực hành ISSN: 1859-1663			1040 (7) 63-67	2017
22	Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của cán bộ công nhân viên công ty cổ phần Traphaco	4	X	Nghiên cứu Dược và Thông tin thuốc ISSN: 1859-364X			9 (3) 20-27	2018
23	Khảo sát thực trạng báo cáo thiếu biến cố bất lợi nghiêm trọng tại các tổ chức nhận thử thuốc trên lâm sàng tại Việt Nam	6		Nghiên cứu Dược và Thông tin thuốc ISSN: 1859-364X			9 (1) 32-37	2018
24	Phân tích Danh mục thuốc được sử dụng tại Bệnh viện Bạch Mai năm 2016	3		Y học lâm sàng ISSN:			101 60-69	2018

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

25	Phân tích cơ cấu thuốc kháng sinh sử dụng tại bệnh viện trung ương quân đội 108 giai đoạn 2015-2017	3		Y học Việt nam ISSN:1859-1868			466 (1) 43- 47	2018
26	Cung cấp kháng sinh không có đơn tại các cơ sở bán lẻ thuốc trên thế giới: tổng quan hệ thống và phân tích gộp	6		Nghiên cứu Dược và Thông tin thuốc ISSN: 1859-364X			10 (1) 2-12	2019
27	Phân tích kết quả đấu thầu thuốc theo hình thức đấu thầu tập trung cấp tỉnh tại Sở y tế Nghệ An	3		Dược học ISSN: 0866-7861			519 3-7	2019
28	Phân tích cơ cấu danh mục thuốc trúng thầu tại sở y tế Nghệ An năm 2016	3		Dược học ISSN: 0866-7861			519 66- 71	2019
29	Tổng quan về chuẩn năng lực dược sĩ trên thế giới	7	X	Dược học ISSN: 0866-7861			518 3-8	2019
30	Đánh giá sự hài lòng của dược sỹ khóa 67 với hoạt động đào tạo tại trường Đại học Dược Hà nội	4	X	Dược học ISSN: 0866-7861			523 11- 17	2019
31	Đánh giá sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ của các cơ sở bán lẻ thuốc tại Việt nam	7		Dược học ISSN: 0866-7861			520 3-10	2019
32	Một số nguồn cung cấp kiến thức chuyên môn cho người bán lẻ thuốc tại Hà nội: góc nhìn từ người bán thuốc	4		Nghiên cứu Dược và Thông tin thuốc ISSN: 1859-364X			10 (4,5, 6 43- 49	2019
33	Đánh giá thực trạng bán kháng sinh tại cơ sở bán lẻ thuốc ở Việt nam thông qua phương pháp đóng vai khách hàng	5		Dược học ISSN: 0866-7861			60 (527) 8-14	2020
34	Khảo sát thái độ và thực hành của người bán lẻ thuốc đối với sản phẩm thảo dược tại Hà Nội	3		Nghiên cứu Dược và Thông tin thuốc ISSN: 1859-364X			11 (5) 26- 32	2020
35	Đánh giá kiến thức và thực hành sử dụng kháng sinh của sinh viên năm cuối trường Đại học Dược Hà nội năm 2019	6		Nghiên cứu Dược và Thông tin thuốc ISSN: 1859-364X			11 (3) 12- 19	2020
36	Chi phí - hiệu quả của abiraterone trong điều trị ung thư tiền liệt tuyến di căn kháng cắt tinh hoàn: nghiên	10		Nghiên cứu Dược và Thông tin thuốc ISSN: 1859-364X			11 (1,2) 47- 53	2020

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	cứu tổng quan hệ thống							
37	Lý do bán kháng sinh thông có đơn tại cơ sở bán lẻ thuốc thông qua quan điểm của người bán lẻ thuốc tại một số tỉnh, thành phố ở Việt Nam	6		Dược học ISSN: 0866-7861			7 (531) 8-12	2020
38	Đánh giá một số yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động báo cáo biến cố bất lợi nghiêm trọng (SAE) trong thử nghiệm lâm sàng thuốc tại Việt Nam	7	X	Y Dược học ISSN: 2734-9209			1 (9) 92- 98	2020
39	Phân tích kết quả kinh doanh các nhóm thuốc chống nhiễm khuẩn, tai mũi họng, mắt của Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Xuân Hòa năm 2017-2018	2		Y học Việt nam ISSN:1859-1868			503 (2) 220- 225	2021
40	Đánh giá một số yếu tố ảnh hưởng đến hành vi bán kháng sinh không có đơn của người bán lẻ thuốc tại một số tỉnh, thành phố ở Việt Nam	4		Nghiên cứu Dược và Thông tin thuốc ISSN: 1859-364X			12 (6) 281- 288	2021
41	Phân tích việc thực hiện kết quả đấu thầu thuốc tập trung quốc gia do BHXH Việt nam thực hiện năm 2019-2020	2	X	Nghiên cứu Dược và Thông tin thuốc ISSN: 1859-364X			12 (6) 296- 304	2021
42	Đánh giá hiệu quả của chương trình đào tạo thử nghiệm đến kiến thức của người bán lẻ thuốc về một số bệnh nhẹ thường gặp tại nhà thuốc cộng đồng	5	X	Nghiên cứu Dược và Thông tin thuốc ISSN: 1859-364X			12 (6) 289- 295	2021
43	Kiến thức, thông tin và nhu cầu đào tạo đối với sản phẩm thảo dược của người bán lẻ	3		Nghiên cứu Dược và Thông tin thuốc ISSN: 1859-364X			12 (4) 9-16	2021
44	Khảo sát thực trạng kiến thức của người bán lẻ thuốc đối với một số triệu chứng, bệnh lý đường hô hấp thường gặp tại cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn một số tỉnh/thành phố năm 2021	4	X	Y Dược học ISSN: 2734-9209			46 4-12	2022
45	Đánh giá sự hài lòng của người bệnh đối với hoạt động cấp phát thuốc Bảo hiểm y tế ngoại trú tại Bệnh viện TƯQĐ 108 năm 2021	5		Y học Việt nam ISSN:1859-1868			514 (2) 297- 302	2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

46	Thực trạng sử dụng tân dược sản xuất trong nước thuộc phạm vi thanh toán quỹ bảo hiểm y tế trong các bệnh viện công lập tại Việt Nam năm 2017	5		Y học Dự phòng ISSN: 0868-2836			32 (8) 161- 169	2022
47	Hiệu quả tăng cường sử dụng tân dược sản xuất trong nước thuộc phạm vi thanh toán bảo hiểm y tế tại các bệnh viện công	5		Y học cộng đồng ISSN: 2354-0613			1 (64) 145- 151	2023
48	So sánh cơ cấu sử dụng tân dược sản xuất trong nước thuộc phạm vi thanh toán bảo hiểm y tế tại các Bệnh viện công lập khi thực hiện Thông tư số 10/2016/TT-BYT giai đoạn 2017 - 2019	6		Y học cộng đồng ISSN: 2354-0613			3 (64) 198- 204	2023
49	Phân tích việc thực hiện kết quả trúng thầu thuốc tại Bệnh viện Phụ sản Trung Ương năm 2021	3		Y học Việt nam ISSN:1859-1868			528 (1) 144- 148	2023
50	Phân tích việc báo cáo kết quả cấp giấy chứng nhận thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP) tại Việt nam giai đoạn 2020-2022	5	X	Y học Việt nam ISSN:1859-1868			534 (1) 279- 283	2024
51	Đánh giá sự hài lòng của người bệnh đối với hoạt động cấp phát thuốc Bảo hiểm y tế ngoại trú tại Bệnh viện Hữu Nghị	4	X	Y học Việt nam ISSN:1859-1868			540 (2) 149- 154	2024
52	Phân tích hoạt động cấp phát ngoại trú thuốc bảo hiểm y tế tại Bệnh viện Thanh Nhàn.	7		Journal of Pharmaceutical Research and Drug Information p-ISSN: 1859-364X e-ISSN: 3030-4474 http://doi.org/10.59882/1859-364X/178			18(4) 1-14	2024
53	Phân tích cơ cấu danh mục thuốc tại Ban Quân y Bộ tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh năm 2017	4		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng DOI: https://doi.org/10.59294/HIUJS.22.2023.303			22(3) 175- 182	2023
54	Phân tích chi phí-hiệu quả của phác đồ sử dụng Zoledronic acid trong điều trị bệnh nhân gãy xương có loãng xương.	4		Journal of Pharmaceutical Research and Drug Information			14(3) 18- 26	2023

				p-ISSN: 1859-364X e-ISSN: 3030-4474 http://doi.org/10.59882/1859-364X/178				
55	Nhận thức về chỉ số hiệu suất chính của nhân viên khoa Dược, bệnh viện Trung ương Quân đội 108.	6		TẠP CHÍ Y DƯỢC LÂM SÀNG 108 https://doi.org/10.52389/ydls.v0i0.2287			80-86	8/2024
56	Phân tích việc báo cáo kết quả cấp giấy chứng nhận thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc tại Việt Nam giai đoạn 2020-2022	4	X	Tạp chí y học cộng đồng https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD1.1982			66 (1) 105-109	2025
57	Giao tiếp giữa nhân viên nhà thuốc và khách hàng tại bệnh viện Trung ương Quân đội 108: Thực hành và Rào cản	8		Journal of Pharmaceutical Research and Drug Information p-ISSN: 1859-364X e-ISSN: 3030-4474			20 12- 19	2024
58	Tổng quan hệ thống về công cụ đo lường dịch vụ cấp phát thuốc bệnh viện thông qua sự hài lòng	7		Journal of Pharmaceutical Research and Drug Information p-ISSN: 1859-364X e-ISSN: 3030-4474				2025
59	Phân tích tình hình sử dụng thuốc Thủy châm: nghiên cứu tại Bệnh viện châm cứu trung ương năm 2022	4		Y học Việt nam ISSN:1859-1868			546 (1) 362- 366	2025
60	Giao tiếp giữa nhân viên nhà thuốc và người bệnh trong thực hành: Nghiên cứu kết hợp định tính và định lượng tại Bệnh viện Bạch Mai	9		TẠP CHÍ Y DƯỢC LÂM SÀNG 108 DOI: https://doi.org/10.52389/ydls.v0i0.2300			64- 72	2024
61	Phân tích kết quả quy trình duyệt sử dụng thuốc cải tiến của dược sĩ tại Khoa Điều trị bệnh Ống tiêu hóa - Bệnh viện TƯ Quân đội 108	3		TẠP CHÍ Y DƯỢC LÂM SÀNG 108 DOI: https://doi.org/10.52389/ydls.v20i4.2714			20 (4) 168- 174	6/2025
62	Đánh giá vai trò của Dược sĩ trong quy trình duyệt sử dụng thuốc nội trú: một nghiên cứu định tính tại Bệnh viện trung ương quân đội 108	3		Tạp chí y học cộng đồng			66(9) 129- 137	6/2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 04 bài báo khoa học: bài báo số 6, số 7, số 8, 9.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng
ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế
cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho
việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân
sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được
bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp
luật.

...Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Đỗ Xuân Thắng